TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HSST
Ngày 10-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và bà Doãn Thị Lệ.
- Thư ký phiên tòa:
Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B), sinh năm 1996 tại Gia Lai; nơi cư trú: Số 540/5 đường H, tổ 02, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn V và bà: Trương Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không, nhưng nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 15-7-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*, chấp hành xong ngày 27-3-2020 (đã được xoá án tích); bị tạm giữ từ ngày 07-02-2023 đến ngày 16-02-2023, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần Trọng N, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 6, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Tấn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn H và Nguyễn Tấn L quen biết nhau, đã cùng nhau sử dụng ma tuý nhiều lần. Khoảng 20 giờ ngày 06-02-2023, Hạnh gọi điện thoại rủ L đến nhà chở H đi lấy ma tuý để cùng sử dụng, Long đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, biển số 81B3-... chở H đến đường T, phường Đ, thành phố P thì H nói L dừng xe đứng chờ, còn H một mình đi đến đường N, tổ 6, phường Đ để tìm cơ hội lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi đi bộ đến trước nhà số nhà 06D đường N, H thấy có nhà kho để vật liệu xây dựng, nhưng không có người trông coi; đây là công trình do ông Trần Trọng N làm chủ. Lúc này, khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, H lén lút đi vào trong thì thấy ở sân công trình có cuộn dây cáp bằng nhôm, nên lăn cuộn dây cáp ra đường N, rồi tiếp tục lăn đến đường T nơi L đang chờ. H nói với L cuộn dây cáp là do chú của H cho, rồi bảo L cùng với H chở ra xã T bán để lấy tiền mua ma tuý sử dụng. L đồng ý, điều khiển xe mô tô 81B3-..... chở H và cuộn dây cáp nhôm đi đến đường K, thuộc thôn 05, xã T, thành phố P, thì bị lực lượng tuần tra của Công an xã T phát hiện, yêu cầu dừng lại để kiểm tra, thấy vậy L bỏ chạy bộ trốn thoát; Công an xã T đưa H cùng với xe mô tô 81B3-.... và cuộn dây cáp nhôm về trụ sở lập biên bản phạm tội. Tại Công an xã T, H đã khai nhận về hành vi lén lút chiếm đoạt cuộn cáp nhôm tại nhà số 06D đường N, phường Đ nên Công an xã T đã lập biên bản thu giữ 01 cuộn cáp nhôm màu trắng, trọng lượng 80kg và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, biển số 81B3-...., rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý. Đến ngày 11-02-2023, L đến Công an phường H, thành phố P trình diện và khai báo về vụ việc trên.

Qua định giá, xác định cuộn dây cáp nhôm màu trắng, nặng 80kg có giá trị là: 2.400.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra trả lại cuộn dây cáp nhôm cho ông N, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Ngày 07-02-2023, tại Công an phường Đ, Nguyễn Văn H đã viết bản tự khai (bút lục số 48) như sau: *"Vào lúc 20 giờ ngày 06-02-2023 tôi có gặp anh Long là bạn xã hội của tôi tại ngã tư X –H. Sau khi gặp anh L, tôi có rủ anh L qua đường N lấy sắt thép để tiêu xài thì L đồng ý với tôi. Sau đó, anh L về nhà lấy xe máy Winner màu đỏ chở tôi đến đường N để trộm sắt thép. Khi đến nơi, anh L đứng phía bên ngoài còn tôi mở cửa vào để lấy 1 cuộn sắt và cả 2 lái xe về phía đường H đến một quán thu mua phế liệu để bán lấy tiền tiêu xài. Khi vừa đến quán thì bị lực lượng Công an phát hiện thì tôi và anh L bỏ chạy, tôi bị bắt còn anh L chạy mất…"*. Nhưng trong quá trình triều tra, tuy tố và kết quả điều tra bổ sung, bị cáo H thay đổi lời khai và không thừa nhận đã rủ L đi trộm cắp như nội dung lời khai của bị cáo H được trích dẫn ở trên.

Ngày 15-5-2023, Tòa án nhân dân thành phố P đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, số: 04/2023/HSST-QĐ yêu cầu điều tra để xử lý hành vi đồng phạm

của Nguyễn Tấn L.

Ngày 14-6-2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P có Văn bản số: 157/CV-VKS với nhận định là không đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với Nguyễn Tấn L về vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Văn H trong vụ án này. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số: 90/CT-VKS ngày 25 tháng 4 năm 2023 và chuyển lại hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân thành phố P xét xử theo quy định.

Cáo trạng số: 90/CT-VKS ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Nguyễn Văn H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản như nội dung cáo trạng, mà không thừa nhận là đã rủ L cùng đi trộm cắp tài sản. Bị cáo có nhiều lời khai mâu thuẫn với nhau, có lúc khai rằng bị cáo rủ Nguyễn Tấn L đi trộm cắp tài sản, là do bị cáo sợ; nhưng có lúc bị cáo khai là do bị cáo bực tức việc L bỏ chạy nên bị cáo mới khai là bị cáo rủ Nguyễn Tấn L đi trộm cắp tài sản.

-Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng, và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Văn H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều: 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H: Từ 07 tháng đến 10 tháng tù; rút yêu cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, vì bị cáo không có hành vi ra đầu thú. Buộc bị cáo buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay không thống nhất với bản tự khai ngày 07-02-2023, nhưng có một số nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai trong quá trình điều tra, truy tố, như nội dung của bản Cáo trạng số: 90/CT-VKS ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/02/2023, Nguyễn Văn H đã lén lút chiếm đoạt của ông Trần Trọng N 01 cuộn dây cáp bằng nhôm, trọng lượng 80kg, giá trị 2.400.000 đồng tại nhà kho để vật liệu xây dựng ở số 06D đường N, tổ 6, phường Đ, thành phốP, tỉnh Gia Lai. Khi L điều khiển xe mô tô biển số 81B3-

353.81 chở Hạnh và cuộn cáp nhôm đi đến đường K, thuộc thôn 05, xã T, thành phố P, thì bị Công an xã T yêu cầu dừng lại kiểm tra nên L bỏ chạy bộ trốn thoát; Công an xã T đưa H cùng vật chứng của vụ án về Trụ sở Công an xã T lập biên bản phạm tội vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 06-02-2023.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn H có năng lực trách nhiệm hình sự và đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm nêu trên đã đủ căn cứ tuyên bố Nguyễn Văn H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên, là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Các tình tiết liên quan đến quyết định hình phạt:

Bị cáo không có tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của ông N có giá trị 2.400.000 đồng, là giá trị không lớn; khi phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng nhân thân xấu, đó là: Ngày 15-7-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*, chấp hành án xong ngày 27-3-2020 (đã được xoá án tích).

Trong quá trình điều tra, bị cáo H đã có những lời khai mâu thuẫn với nhau, từ việc nhận mình đã rủ Nguyễn Tấn L cùng đi trộm cắp, nhưng sau đó lại thay đổi lời khai, không thừa nhận đã rủ Long đi trộm cắp tài sản. Hành vi thay đổi lời khai của bị cáo H đã gây cản trở cho hoạt động tố tụng của vụ án, làm cho vụ án kéo dài, ảnh hưởng lớn đến việc điều tra, xử lý tội phạm không được kịp thời. Tại thời điểm bị cáo H bị bắt đưa về trụ sở Công an xã T lập biên bản phạm tội là không bị gián đoạn về thời gian. Do đó, việc Công an xã T lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú, là không đúng theo quy định của pháp luật, lẽ ra phải lập biên bản phạm tội quả tang mới đúng. Trên cơ sở biên bản phạm tội do Công an xã lập như đã nêu trên, thì nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát xác định bị cáo H ra đầu thú và cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, là không có căn cứ, không đúng theo quy định của pháp luật. Tuy việc lập biên bản phạm tội nêu trên có sai về việc đánh giá ý thức của tội phạm, có ảnh hưởng đến việc Tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, nhưng không thuộc trường hợp phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đã nhận định bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú như nhận định trong bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú đối với bị cáo H.

Bị cáo đã khai báo hành vi phạm tội do mình thực hiện, nhưng không thành khẩn khai báo các tình tiết có liên quan trong vụ án, đã có nhiều lời khai mâu thuẫn với nhau. Do đó, Tòa án không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự là "đã thành khẩn khai báo" như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

Với tính chất của vụ án và các tình tiết liên quan như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc áp dụng hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, giáo dục. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức cao nhất của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị, để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xem xét hành vi liên quan: Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố P tiếp tục có biện pháp đấu tranh xử lý theo quy định của pháp luật; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai nêu cao vai trò kiểm sát điều tra và xử lý đối với hành vi có dấu hiệu đồng phạm của Nguyễn Tấn L, để không bỏ lọt tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B) phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

2. Về hình phạt:

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều: 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Bo Nở) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 07 tháng 02 năm 2023.

3. Về án phí sơ thẩm:

-Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

-Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10-7-2023). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND TP. P;
-Công an thành phố P;
-Sở Tư pháp Gia Lai;
-Bị cáo; -Bị hại; -Người có QLNVLQ;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng